

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2018/DSPT

Ngày: 15 – 10 – 2018

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Duy Tuấn

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Tấn Đức và ông Nguyễn Huân

Thư ký phiên tòa: bà Phan Thị Linh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Thị Ngọc Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, mở phiên tòa phúc thẩm để xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2018/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2018, về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Ea H’Leo bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 112/2018/QĐPT ngày 01/8/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tường V, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 2B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Tô Đình Q, sinh năm 1963 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác: T), sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Công T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 30 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

4. Người làm chứng:

- Chị Bùi Thị H, sinh năm 1991 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 2B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Chị Hoàng Thị Thúy L, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 7, xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

5. Người kháng cáo: bị đơn Ông Tô Đình Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Tường V trình bày:

Ngày 10/4/2017, trước Đại lý HT thuộc xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, ông Tô Đình Q có mượn của Bà Nguyễn Thị Tường V số tiền 200.000.000 đồng. Khi mượn, Ông Q có viết giấy nhận tiền đưa cho bà V và nói với bà V là cần gấp, bảo bà V sau này sẽ tính toán với vợ ông Q là bà Nguyễn Thị H. Tuy nhiên sau này bà V hỏi bà H về số tiền bà V đã đưa cho ông Q thì bà H cho rằng, bà H trừ nợ số tiền 200.000.000 đồng mà bà V đã mượn của bà H trước đó. Bà V không đồng ý với việc bà H trừ nợ của bà V. Vì vậy, bà V yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Tô Đình Q phải trả cho bà V số tiền 200.000.000 đồng.

Trước đây, bà V và vợ chồng ông Tô Đình Q, bà Nguyễn Thị H có quan hệ vay tài sản với nhau, bà V có nợ của vợ chồng ông Q, bà H rất nhiều lần cụ thể như sau:

- + Ngày 18/01/2017 (âm lịch) vay 50.000.000^d (Năm mươi triệu đồng);
- + Ngày 25/02/2017 (âm lịch) vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng);
- + Ngày 30/02/2017 (âm lịch) vay 100.000.000^d (Một trăm triệu đồng);
- + Ngày 17/3/2017 (âm lịch) vay 100.000.000^d (Một trăm triệu đồng);
- + Ngày 23/3/2017 (âm lịch) tôi vay tiếp 300.000.000^d (Ba trăm triệu đồng)

cho con gái tôi là Bùi Thị H.

Tổng số tiền vay các lần là 650.000.000^d (Sáu trăm năm mươi triệu đồng).

Tuy nhiên, bà V cho rằng quá trình bà V vay tiền của bà H như đã nêu trên thì bà V đã trả cho bà H đầy đủ. Vì khi bà V vay bất cứ một khoản tiền nào của bà H thì bà V đều phải ký nhận nợ vào sổ nợ của bà H và khi trả nợ cho bà H thì bà V cũng phải đối chiếu với bà H để gạch sổ của bà H đối với khoản nợ đó, cụ thể về việc trả nợ như sau:

+ Ngày 06/3/2017 (âm lịch) con bà V là Bùi Thị H trả cho T Q (là bà H) số tiền 100.000.000 đồng. Số tiền này là khoản nợ của ngày 30/02/2017 (âm lịch) vay số tiền 100.000.000 đồng.

+ Ngày 17/4/2017 (âm lịch) bà V trả cho bà H số tiền 50.000.000 đồng. Khoản 50.000.000 đồng này là khoản trả nợ cho khoản nợ 250.000.000 đồng bởi tính đến ngày 17/4/2017 âm lịch tôi nợ của T Quy tổng số tiền 250.000.000 đồng hình thành bởi 03 lần vay ((Ngày 18/01/2017 (âm lịch) vay số tiền 50.000.000 đồng và ngày 25/02/2017 (âm lịch) vay số tiền 100.000.000 đồng và ngày 17 tháng 03 năm 2017 (âm lịch) vay số tiền 100.000.000 đồng.

+ Ngày 03/4/2017 (âm lịch) con bà V là Bùi Thị H trả cho T Q (là bà H) số tiền 100.000.000 đồng. Số tiền 100.000.000 đồng này là khoản trả nợ cho khoản

nợ 300.000.000 đồng.

+ Ngày 02/5/2017 (âm lịch) bà V trả cho bà H số tiền 200.000.000 đồng. Số tiền 200.000.000 đồng trả nợ cho khoản nợ 300.000.000 đồng.

+ Ngày 20/5/2017 (âm lịch) bà V và Chị Bùi Thị H trả cho bà H số tiền 100.000.000 đồng. Để trả nợ cho khoản 200.000.000 đồng còn lại đã được chốt sổ vào ngày 17 tháng 4 năm 2017 âm lịch.

+ Đến ngày 18/6/2017 (âm lịch) Bùi Thị H là con gái của bà V trả cho bà H số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Tính đến ngày 18/6/2017 thì bà V không còn nợ của bà H (T Q) khoản tiền nào nữa, cũng không vay thêm bất cứ khoản nào khác.

Việc bà V đưa cho ông Tô Đình Q vay số tiền 200.000.000 đồng thì ông Q chưa trả cho bà V nên bà V yêu cầu ông Q phải trả cho bà V số tiền 200.000.000 đồng.

Bị đơn Ông Tô Đình Q và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Ông Tô Đình Q thừa nhận có nhận 200.000.000^d (hai trăm triệu đồng) từ bà Nguyễn Thị Tường V trước Đại lý HT thuộc xã R, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Đây là số tiền bà V trả nợ cho vợ ông Q (tức bà H). Vì giữa bà H và bà V có vay tài sản với nhau, cụ thể như thế nào thì ông Q không rõ. Hôm nhận tiền, bà H có gọi điện thoại cho ông Q nói với ông Q nhận 200.000.000 đồng từ bà V trả nợ cho bà H nên tôi nhận và viết giấy có nhận 200.000.000 đồng cho bà V. Ông Q không nhớ ngày cụ thể, chỉ nhớ khoảng giữa cuối tháng 4 năm 2017 (âm lịch). Vì vậy, ông Q không đồng ý trả 200.000.000 đồng cho bà V như đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tường V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:

Tôi là vợ Ông Tô Đình Q, trước đây vợ chồng tôi có quan hệ cho vay tài sản với Bà Nguyễn Thị Tường V. Vợ chồng tôi có cho bà V vay mượn tiền rất nhiều lần, cụ thể như sau:

Vào ngày 17/01/2017 (âm lịch) tôi có cho bà V vay số tiền 50.000.000^d (năm mươi triệu đồng), ngày 25/02/2017 (âm lịch) tiếp tục cho bà V vay số tiền 100.000.000^d (một trăm triệu đồng), ngày 17/3/2017 (âm lịch) mượn thêm 100.000.000^d (một trăm triệu đồng) số tiền này là cho Hay mượn. Tổng cộng là 250.000.000^d (hai trăm năm mươi triệu đồng) bà V, con gái là H đã thanh toán hết số nợ này nên đã gạch sổ.

Ngày 17/3/2017 (âm lịch) còn nợ 250.000.000^d (hai trăm năm mươi triệu đồng), ngày 06/4/2017 (âm lịch) L là em dâu của bà H lấy 50.000.000^d (Năm mươi triệu đồng), đến ngày 17/4/2017 (âm lịch) viết giấy trả 50.000.000^d (Năm mươi triệu đồng) còn 200.000.000^d (hai trăm triệu đồng) trả cho ông Q theo giấy ông Q đã viết.

Sáng ngày 17/4/2017 (âm lịch) gạch sổ 250.000.000^d (hai trăm năm mươi triệu đồng) là trả nợ xong.

Chiều ngày 17/4/2017 (âm lịch) mượn lại số tiền 200.000.000^d (hai trăm triệu đồng) cho Tr.

Đến ngày 20/5/2017 (âm lịch) có trả cho tôi số tiền 100.000.000^d (một trăm triệu đồng)

Đến ngày 18/6/2017 (âm lịch) có trả cho tôi số tiền 100.000.000^d (một trăm triệu đồng).

Như vậy là gạch sổ hết nợ.

Ngoài ra không trình bày gì thêm.

Người làm chứng Chị Bùi Thị H trình bày:

Tôi là con của bà Nguyễn Thị Tường V. Ngày 30/02/2017 (âm lịch) tôi có nhận số tiền mẹ tôi mượn của cô T tức bà H số tiền 100.000.000^d (một trăm triệu đồng) nhưng số tiền này tôi đã thay mặt mẹ tôi đem lên nhà cô T (tức bà H) trả 100.000.000^d (một trăm triệu đồng) cho khoản mẹ tôi vay cô T (vào ngày 30/02/2017) do con trai cô T nhận tiền và đã gạch sổ nợ.

Ngày 23/3/2017 (âm lịch), do đáo hạn ngân hàng nên tôi cần số tiền là 300.000.000^d (ba trăm triệu đồng) nên mẹ tôi là bà V đã gọi điện cho cô T Q mượn số tiền trên và tôi là người nhận tiền, khi nhận có ghi ngày mượn và hẹn ngày trả cụ thể ở trong sổ nợ của cô T. Sau khi đến đáo hạn Ngân hàng xong. Khoảng 10 ngày sau đó, tôi có đem lên trả cho cô T số tiền 100.000.000^d (một trăm triệu đồng) trong số 300.000.000 đồng mà tôi đã mượn của cô T nhưng không kèm theo tiền lãi suất. Cô T không cầm theo sổ để trừ bớt nợ mà chỉ ghi cho tôi giấy biên nhận số tiền 100.000.000^d (một trăm triệu đồng). Khoản dư nợ của tôi là 200.000.000^d (hai trăm triệu đồng) do mẹ tôi lên thanh toán và trả tiền lãi cho cô T sau đó. Theo như tôi nắm rõ, kể từ ngày tôi nhờ mẹ mượn hộ tôi 300.000.000^d (ba trăm triệu đồng) thì mẹ tôi chưa hề mượn cô T thêm lần nào nữa mà chỉ trả tiền mượn và tiền lãi.

Sau cùng, giữa mẹ tôi và cô T có tính toán sổ sách và nợ nần với nhau số tiền cuối cùng chốt ngày 17/4/2017 âm lịch là 200.000.000^d (hai trăm triệu đồng) thì ngày 20/5/2017 âm lịch, tôi và mẹ tôi có lên nhà cô T trả bớt số tiền 100.000.000^d (một trăm triệu đồng) còn dư nợ lại là 100.000.000^d (một trăm triệu đồng).

Vào ngày 18/6/2017 (âm lịch) tôi thay mặt mẹ tôi có lên trả cho cô T số tiền 100.000.000^d (một trăm triệu đồng) còn lại và cô cũng viết cho tôi tờ giấy biên nhận đã nhận số tiền 100.000.000^d (một trăm triệu đồng) của mẹ tôi còn nợ của cô T.

Mẹ tôi là Bà Nguyễn Thị Tường V có đưa cho ông Tô Đình Q số tiền 200.000.000 đồng trước đại lý HT và ông Q có viết giấy nhận tiền đưa cho mẹ giữ. Ngoài ra không trình bày gì thêm. Cũng không có chứng cứ, tài liệu gì để cung cấp cho Tòa án.

Người làm chứng chị Hoàng Thị Thúy L trình bày:

Tôi Hoàng Thị Thúy Liễu là em dâu của ông Tô Đình Q, bà Nguyễn Thị H. Vào khoảng đầu tháng 4 năm 2017 (âm lịch) chị tôi là bà Nguyễn Thị H (T Q) có nhờ tôi xuống nhà Bà Nguyễn Thị Tường V lấy tiền. Bà H nói với tôi “Xuống cô V lấy 50.000.000 (Năm mươi triệu đồng) về cho chị đi Sài Gòn”. Lúc đó khoảng 17 giờ tôi đi và đến lúc 18 giờ cùng ngày tôi đem về cho chị tôi tức bà H 50.000.000 (Năm mươi triệu đồng) chị H đếm tiền rồi cất đi, đến 20 giờ cùng ngày chị H đi Sài Gòn. Ngoài ra không trình bày gì thêm. Cũng không có chứng cứ, tài liệu gì để cung cấp cho Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS - ST ngày 03/4/2018, Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 465 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tường V. Buộc ông Tô Đình Q phải trả cho bà Nguyễn Thị Tường V số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử, ngày 16/4/2018 bị đơn ông Tô Đình Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tường V và bị đơn ông Tô Đình Q, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H thỏa thuận thống nhất nội dung sau: bà V và ông Q mỗi bên chịu 50% số tiền trong tổng số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Như vậy, ông Tô Đình Q còn phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Tường V số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tô Đình Q đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

- Về phần thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 - Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS - ST ngày 03/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo; Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tường V và bị đơn ông Tô Đình Q, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể: Bà V và ông Q thống nhất mỗi bên chịu 50% số tiền trong tổng số tiền 200.000.000 đồng. Như vậy, ông Tô Đình Q còn phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Tường V số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do các bên không thỏa thuận được án phí sơ thẩm nên Tòa án xác định lại án phí dân sự sơ thẩm theo nội dung thỏa thuận về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị Tường V và ông Tô Đình Q mỗi người phải chịu 5.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà V được khấu trừ vào số tiền 5.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai số: AA/2016/0002051, ngày 04/10/2017.

Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Tô Đình Q và bà Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS - ST ngày 03/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo - Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tường V và bị đơn ông Tô Đình Q, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Tô Đình Q phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Tường V 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm trả, kể từ khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án.

[2] Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tường V và ông Tô Đình Q mỗi người phải chịu 5.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà V được khấu trừ vào số tiền 5.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk, theo biên lai số: AA/2016/0002051, ngày 04/10/2017.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Tô Đình Q và bà Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2017/0000914 và AA/2017/0000915 ngày 18/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea H'leo;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Duy Tuấn